

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60/2020/HS-ST**
Ngày 26 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;
2. Ông Ngô Văn Thi.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Lê Thị N, sinh ngày: 01/01/1992, tại Campuchia; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Đ, xã Q, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; con ông Lê Văn C, sinh năm 1952 và bà Dương Thị V, sinh năm 1953; chị em có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; có chồng tên Nguyễn Thành Phi H, sinh năm 1983 (ly hôn năm 2015), có 03 con; con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013.

Nhân Thân: Từ nhỏ sống chung với cha, mẹ tại ấp Đ, xã Q, học đến lớp 4 thì nghỉ. Năm 2004 sinh sống tại Campuchia cùng gia đình. Năm 2010 kết hôn với Nguyễn Thành Phi H, có 03 con chung, đến năm 2015 thì ly hôn. Sau đó sống chung như vợ chồng với Nguyễn Văn D, ngày 26/8/2020 đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình áp giấy chứng nhận kết hôn.

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2020 đến nay.

Bị cáo có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1992; nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang;

2. Bà Lục Thị Lệ H1, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;

3. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:* Bà Huỳnh Thị Q, sinh năm 1989.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2020, Lục Thị Lệ H1, Trần Thị H thông qua người thanh niên (Trung Quốc) quen biết qua mạng Zalo, H1, H được cho số điện thoại của chị T (ở Campuchia) để kết bạn làm quen, sau đó T rủ H1, H sang Campuchia tìm việc làm và H1, H đồng ý. Để đưa H1, H sang Campuchia, T liên hệ với Lê Thị N thỏa thuận trả công 25USD/người, sau đó T giới thiệu để H, H1 kết bạn qua mạng Zalo. Sau khi kết bạn với H1, H và được T kêu đưa H1, H sang Campuchia nên ngày 09/9/2020 N liên hệ với H1, H kêu đến huyện An Phú, tỉnh An Giang để N đón rồi đưa sang Campuchia. H1, H đi xe khách từ Thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Châu Đốc rồi thuê xe honda ôm chở đến huyện An Phú. Khi đến khu vực ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái thì N điều khiển xe mô tô biển số 0076 (biển số Campuchia) đón chở H, H1 đến bến Óc thuộc ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú để tìm đồ đưa H, H1 qua sông sang Campuchia nhưng không có nên N chở H, H1 đến quán cà phê của bà Huỳnh Thị Q ngụ ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang chờ. Trong lúc đang chờ để đưa H1, H sang Campuchia thì khoảng 11 giờ 30 phút ngày 10/9/2020, Công an xã Khánh An, huyện An Phú tuần tra phát hiện lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng, gồm:

- 01 xe mô tô hiệu VMEO SANDA Dream màu nâu, biển số 0076 (biển kiểm soát Campuchia);

- 01 điện thoại di động hiệu VIVO 1812 màu đỏ (của N).

Ngày 17/9/2020, Lê Thị N bị khởi tố, điều tra.

Cáo trạng số: 64/CT-VKSAG-P1 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố bị cáo Lê Thị N về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa,

Bị cáo Lê Thị N thú nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Mục đích đưa người xuất cảnh của bị cáo là vì lợi ích vật chất, nhưng chưa nhận được tiền.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có ý kiến về các lời khai này.

Trong lời luận tội, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi; các tình tiết giảm nhẹ; tình hình an ninh trật tự; mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân bị cáo, đã đề nghị tuyên bị cáo Lê Thị N phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Thị N từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu VIVO 1812 màu đỏ.

Đối với xe mô tô hiệu VMEO SANDA Dream màu nâu, biển số 0076 (biển kiểm soát Campuchia) chưa làm rõ chủ sở hữu, đề nghị giao cho Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau.

Bị cáo N không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái, hứa khắc phục sửa chữa. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án; lời khai của những người này đã được công bố tại phiên tòa, bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét thấy lời khai của bị cáo Lê Thị N tại phiên tòa phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang ngày 10/9/2020 của Công an xã Khánh An; phù hợp Biên bản khám nghiệm hiện trường (cùng bản ảnh, sơ đồ hiện trường) ngày 11/9/2020; Biên bản kiểm tra dữ liệu điện thoại ngày 11/9/2020 của Công an huyện An Phú; Kết luận giám định số 179/KLGT-PC09 (KTSĐT) ngày 16/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang (kèm phụ lục) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Thông qua hứa hẹn và giới thiệu của người tên T ở Campuchia, khoảng 11 giờ 30 phút ngày 10/9/2020, tại quán giải khát của bà Huỳnh Thị Q ngụ ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang, Lê Thị N tổ chức đưa Trần Thị H và Lục Thị Lệ H1 từ Việt Nam sang Campuchia thì bị bắt quả tang. Bị cáo N là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; biết rõ việc đưa người xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp pháp luật nhưng cố ý thực hiện vì mục đích vụ lợi. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định, hành vi của Lê Thị N đã phạm vào tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình. Xác định, truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Lê Thị N theo Cáo trạng số 64/CT-VKSAG-P1 ngày 30 tháng 11 năm 2020 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh nói riêng, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung; vi phạm quy định của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid -19. Hành vi của bị cáo còn có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, an toàn của cộng đồng.

[2.3] Nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do ảnh hưởng của dịch Covid-19, bị cáo không có việc làm ổn định; ý thức chấp hành pháp luật kém; là người ở khu vực biên giới, thường xuyên qua lại nên rành đường. Đồng thời, việc đưa người xuất cảnh trái phép thu được nhiều tiền, nên khi T liên hệ thì bị cáo nhận lời và thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chưa đưa được H, H1 sang Campuchia và chưa nhận được tiền. Động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là vì lợi ích vật chất, không vì lợi ích khác.

[2.4] Cách thức tổ chức đưa người xuất cảnh của bị cáo tương đối đơn giản, lợi dụng ranh giới giữa Việt Nam và Campuchia cách nhau con sông, bị cáo quan sát không thấy lực lượng tuần tra sẽ sử dụng đò đưa người qua sông. Tuy nhiên, chưa đưa được người sang Campuchia; chưa thu được tiền thì bị bắt. Trường hợp này được xem là phạm tội chưa đạt.

Bên cạnh hành vi phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” của bị cáo N còn có nhiều người khác có nhu cầu xuất cảnh, nhập cảnh, ý thức pháp luật kém, cố tình vi phạm, đã gây khó khăn cho lực lượng chức năng trong việc kiểm soát người xuất, nhập cảnh; gây oan mang, bức xúc trong nhân dân. Trong khi mọi người dân đang ra sức thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống

dịch theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đặc biệt là công tác quản lý xuất, nhập cảnh. Kể từ khi xảy ra dịch Covid-19 đến nay, cả hệ thống chính trị, nhân dân An Phú trong đó đặc biệt là các lực lượng Bộ đội Biên phòng, Công an, Quân đội ...đang ngày đêm túc trực canh gác theo các tuyến biên giới, nhằm kiểm soát chặt người qua lại biên giới, nhằm phòng, chống lây lan dịch bệnh, đảm bảo an toàn xã hội thì bị cáo lại có hành vi đi ngược lại với chủ trương của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; đi ngược lại với lợi ích chung của cộng đồng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về hình phạt:

Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo mới phạm tội lần đầu, phạm tội ở giai đoạn chưa đạt; bị cáo có con còn nhỏ, là lao động chính; bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, ít am hiểu pháp luật, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, trong tình hình đại dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp, thì hành vi tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép của bị cáo là rất nguy hiểm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, cần được xử lý nghiêm.

Từ phân tích trên, xét thấy đề nghị về mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là có căn cứ. Cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa, nhằm có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo để bị cáo nhận thức được hành vi sai trái, khắc phục, sửa đổi, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Đối với Trần Thị H và Lục Thị Lệ H1 có hành vi “xuất cảnh trái phép” là vi phạm pháp luật. Do chưa có tiền án, tiền sự, nên Công an huyện An Phú xử phạt hành chính đối với H và H1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 xe mô tô hiệu VMEO SANDA Dream màu nâu, biển số 0076 (biển kiểm soát Campuchia); 01 điện thoại di động hiệu VIVO 1812 màu đỏ, được xử lý như sau:

- Đối với điện thoại di động được xác định là của bị cáo N, bị cáo đã sử dụng điện thoại liên hệ với T, H, H1 để tổ chức đưa H, H1 xuất cảnh. Điện thoại được xác định là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với xe mô tô được xác định là của Nguyễn Văn D (chồng bị cáo N). Theo D thì xe này D được một người tên Gạo ở Đồng Tháp tặng cho, nhưng D không cung cấp được họ, địa chỉ người cho và không cung cấp được giấy tờ chứng minh xe đã được cấp giấy chứng nhận. Như vậy, xe được xác định là không rõ nguồn gốc, không có giấy tờ chứng minh chủ sở hữu. Đồng thời, bị cáo đã sử dụng xe này làm phương tiện đưa người xuất cảnh. Do đó cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về chi phí tố tụng:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo và những người tham gia tố tụng không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị N phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Lê Thị N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/9/2020 (ngày mười tháng chín năm hai nghìn không trăm hai mươi).

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO 1812 màu đỏ;

- 01 (một) xe mô tô hiệu VMEO SANDA Dream màu nâu, biển số 0076 (biển kiểm soát Campuchia) không có giấy chứng nhận đăng ký.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/12/2020 giữa Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Lê Thị N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt bị cáo Lê Thị N. Thời hạn kháng cáo của bị cáo N là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2020).

Thời hạn kháng cáo của bà Trần Thị H, Lục Thị Lệ H1, ông Nguyễn Văn D là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện An Phú (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1)
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Trại tạm giam (2);
- Cơ quan An ninh điều tra (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (3);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Văn Sáu